TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/DS-PT
Ngày 23/5/2018
V/v *"Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Thanh Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2017/TLPT-DS ngày 10/11/2017 về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44A/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn V sinh năm 1959; địa chỉ: Số 13 Đường L, phường E, Thành phố B, Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ - Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Th, bà Đặng Thị D; cùng địa chỉ: Ngõ 37 đường T, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Ông Th có mặt, bà Đặng Thị D xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn Th: Ông Diệp Kiến Tr - Luật sư của Văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trần Văn C; địa chỉ: Số 49 đường N, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3.2. Ông Trần Văn H; địa chỉ: Số 377 đường L, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Trần Văn Q; địa chỉ: TDP 3, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3.4. Ông Trần Văn Ch; địa chỉ: Số 67 đường P, TDP1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Chị Nguyễn Ngọc A (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị M, đã mất); địa chỉ: TDP 3, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.6. Uỷ ban nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Ủy ban nhân dân phường Đ; địa chỉ: Đường T, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/1/2017 và đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 15/6/2017, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ Trần K, sinh năm 1918 và cụ Hà Thị Y, sinh năm 1925, khi còn sống tạo lập được tài sản là nhà đất tại tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình, hai cụ sinh được chín người con, là:

Bà Trần Thị Cả (mất lúc nhỏ), ông Trần Văn V, ông Trần Văn Th, ông Trần Văn C, ông Trần Văn H, ông Trần Văn Q, ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị M (mất tháng 7/2017), ông Trần Văn P (mất năm 2014).

Cụ Trần K mất năm 1996, cụ Hà Thị Y mất năm 1997, hai cụ không để lại di chúc.

Di sản thừa kế của cụ Trần K và cụ Hà Thị Y là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với

quyền sử dụng đất thửa đất số 127, tờ bản đồ số 57, diện tích 358,9m^2 (150m^2 đất ở và 208,9m^2 đất vườn), địa chỉ: tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND thành phố Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 770261, ngày 31/12/2013, mang tên ông Trần Văn Th và vợ là bà Đặng Thị D. Hiện tại, trên diện tích đất này gia đình ông Th bà D đã tháo dỡ ngôi nhà cũ của cụ K và cụ Y để xây dựng mới 01 ngôi nhà hai tầng kiên cố, bên cạnh còn có 01 ngôi nhà nhỏ cấp 4, được xây dựng tạm là nơi ở của ông Trần Văn P khi còn sống. Tại văn bản phân chia thừa kế tài sản được lập và chứng thực tại UBND phường Đ vào ngày 09/7/2007, ông Trần Văn V không có mặt nhưng ông Th đã giả mạo chữ ký của ông V để ký vào văn bản. Tài liệu này sau đó được ông Th, bà D sử dụng để làm thủ tục yêu cầu UBND thành phố Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ di sản thừa kế mà cụ K và cụ Y để lại. Nay, ông Trần Văn V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với ngôi nhà ở của bố mẹ để lại và phần diện tích đất mà trước đó các anh em ông đã thống nhất giao cho ông Trần Văn P, đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đã cấp mang tên ông Trần Văn Th và bà Đặng Thị D đối với diện tích đất nói trên.

Ngày 21/8/2017, Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia di sản là ngôi nhà của cụ K và cụ Y vì hiện tại tài sản đó không tồn tại, không có cơ sở để xem xét về giá trị.

* *Bị đơn là ông Đặng Văn Th và bà Đặng Thị D thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm cụ K, cụ Y mất, về các con của hai cụ cũng như nguồn gốc thửa đất. Tuy nhiên, ông Th trình bày:* Sau khi các anh chị của ông đều lập gia đình và có nhà cửa ổn định ở những nơi khác, ông là con út trong gia đình nên sống với bố mẹ, khi còn sống, hai cụ đã thống nhất sẽ để lại toàn bộ tài sản cho ông. Sau khi bố mẹ ông mất, thực hiện theo ý nguyện của bố mẹ, các anh em ông đã có cuộc họp gia đình vào ngày 07/02/2007. Tại cuộc họp này, tất cả các anh em đã thống nhất thửa đất của bố mẹ để lại sẽ được chia làm hai phần: phần cho ông Th và phần còn lại chia cho ông P nhưng trước mắt vợ chồng ông Th sẽ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất mà bố mẹ để lại, chờ đến khi ông P lập gia đình riêng thì ông Th có nghĩa vụ tách sổ đỏ cho ông P đối với diện tích đất ông P được chia. Trên cơ sở ý chí và nguyện vọng các anh em đã được thể hiện trong cuộc họp gia đình ngày 07/02/2007. Tiếp đến ngày 09/7/2007, tất cả anh em có mặt tại UBND phường Đ và đã cùng nhau ký vào văn bản phân chia thừa kế tài sản với nội D toàn bộ di sản thừa kế của cụ Trần K và cụ Hà Thị Y được để lại

cho ông Trần Văn Th, bà Đặng Thị D, gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 63, diện tích 364,6m^2 (hiện nay là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 57, diện tích 358,9m^2). Cuộc họp lần này tuy không có mặt ông V nhưng về mặt ý chí thì trước đó cơ bản ông V cũng đã thống nhất theo nội D văn bản này nên ông Th đã ký thay phần của ông V trong văn bản phân chia tài sản thừa kế. Nay ông Trần Văn V khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông Trần Văn Th, bà Đặng Thị D thì ông không đồng ý vì việc ông được quyền sử dụng đất đối với tài sản của bố mẹ để lại là ý nguyện lúc sinh thời của cụ K và cụ Y, được tất cả anh em đồng thuận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn C, ông Trần Văn H, Ông Trần Văn Q, Ông Trần Văn Ch, chị Nguyễn Ngọc A (con của bà Trần Thị M, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M sau khi bà M mất) cùng thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm cụ K, cụ Y mất, về các con của hai cụ cũng như nguồn gốc thửa đất hiện đang có tranh chấp.

Các ông: C, H, Ch và chị A đều thống nhất trình bày: Sau khi các anh chị đều trưởng thành và có cuộc sống tự lập ở nơi khác, vợ chồng ông Th là người đã đóng góp công sức nhiều nhất trong việc chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ và anh trai Trần Văn P chu toàn từ lúc còn sống, quảng thời gian họ ốm đau bệnh tật kéo dài cho đến ngày những người này mất và hiện tại ngôi nhà mà gia đình ông Th xây dựng trên thửa đất của bố mẹ là nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà, bố mẹ và những người đã mất trong gia đình. Trước đây, khi ông P còn sống, các anh chị đều thống nhất lúc nào ông P lập gia đình riêng thì sẽ chia cho P một phần đất xây dựng nhà cửa nhưng sau đó ông P không may bệnh tật và mất khi chưa kịp có gia đình. Vì vậy, các ông và chị Ân không đồng ý với yêu cầu chia di sản của ông V, không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất đã Cấp cho vợ chồng ông Th, bà D. Ông Th là người xứng đáng được thừa hưởng toàn bộ tài sản của bố mẹ để lại. Trong trường hợp, nhất thiết phải phân chia phần diện tích đất của Ông P thì họ đều nhường phần di sản mà mình được hưởng cho ông Trần Văn Th.

Ông Trần Văn Q trình bày thống nhất với yêu cầu phân chia di sản của nguyên đơn và mong muốn nhường phần di sản của mình cho ông Trần Văn V.

- Đại diện ủy quyền của UBND phường Đ, ông Hoàng Ngọc V1- Phó Chủ tịch UBND phường Đ trình bày: Trên cơ sở văn bản họp gia đình ngày 07/02/2007 các

anh em trong gia đình đã thống nhất nội D ông Th sẽ được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất là tài sản của bố mẹ để lại, đợi đến lúc ông P có gia đình riêng thì sẽ tách thửa cho ông P. Đến ngày 09/7/2007, lại có một Văn bản phân chia di sản thừa kế, lúc này ông Trần Văn V đã đi nước ngoài nhưng do tin tưởng nội bộ của gia đình và trên tinh thần đã thống nhất tại biên bản họp gia đình ngày 07/02/2007, cán bộ tư pháp phường đã không có sự kiểm tra chính xác sự có mặt của cả 08 người con của cụ K và cụ Y nên đã tham mưu cho lãnh đạo UBND phường Đ.

Người đại diện của UBND phường Đ xác nhận đây là sai sót đáng tiếc đã xảy ra trong thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan mình. Tuy nhiên, hai văn bản ngày 07/02/2007 và ngày 09/7/2007 không có sự khác biệt nhiều về nội D phân chia di sản của cụ K và cụ Y để lại nên việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn Th, bà Đặng Thị D là không cần thiết.

- Đại diện ủy quyền của UBND thành phố Đ1, ông Nguyễn Đức C - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ1 trình bày: Tất cả các người con của cụ K và cụ Y đều thống nhất thừa nhận thửa đất số 127, tờ bản đồ số 57, diện tích 358,9m^2 tại tổ dân phố 1, phường Đ là di sản của hai cụ để lại.

Vì vậy, mặc dù tờ khai và hồ sơ kỷ thuật thửa đất nói trên hiện đứng tên ông Trần Văn Th nhưng đây chưa được coi là điều kiện pháp lý để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình đối với thửa đất vì tải sản có nguồn gốc là của bố mẹ.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Văn Th, bà Đặng Thị D đối với thửa đất nói trên là đúng pháp luật vì văn bản phân chia thừa kế đã được UBND phường Đ niêm yết, chứng thực đúng quy định pháp luật về công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Người đại diện của UBND thành phố Đ1 không đồng ý với yêu cầu hủy giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất đã cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 690 của Bộ luật dân sự năm 1995;

Áp dụng các Điều: 609, 610, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650 651 Bộ luật dân sự 2015.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia di sản thừa kế là ngôi nhà cụ K và cụ Y do đương sự đã rút, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V về chia thừa kế tài sản của cụ Trần K và cụ Hà Thị Y là 155,55m^2 đất, một phần của thửa 127 tờ bản đồ số 57, địa chỉ: tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình, có trị giá là: 118.979.250, di sản được chia theo pháp luật.

- Chia di sản thừa kế của cụ K, Cụ Y thành 7 phần bằng nhau, mỗi suất thừa kế có trị giá là 16.997.036 đồng.

- Công nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn C, ông Trần Văn H, ông Trần Văn Ch, chị Nguyễn Ngọc A (thừa kế thế vị của bà Trần Thị M) nhường phần di sản của mình được hưởng cho ông Trần Văn Th.

- Công nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Q nhường phần di sản của mình được hưởng cho ông Trần Văn V.

* Chia cho ông Trần Văn Th được sử dụng 155,55m^2 đất (bao gồm 75m^2 đất ở và 80,552m^2 đất vườn) tại thửa 127 tờ bản đồ số 57, địa chỉ: tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình, có trị giá 118.979.250 đồng.

Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định:

- Cạnh phía nam, giáp đường GTNT: 6m;

- Cạnh phía bắc, giáp đất ông Nguyễn Đình T1: 6m;

- Cạnh phía tây, giáp ngôi nhà hai tầng của ông Trần Văn Th: 26,4m;

- Cạnh phía đông, giáp đất ông Trương Minh Q1: 25,45m.

Ông Trần Văn Th có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản mà ông Trần Văn V được hưởng theo pháp luật là 33.994.071đồng.

2. Không chấp yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 770261, do UBND thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 31/12/2013, mang tên ông Trần Văn Th và bà Đặng Thị D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2017, nguyên đơn ông Trần Văn V kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại các nội dung sau:

* Cho ông V được nhận hiện vật là diện tích đất 155,5m^2.

* Hủy giấy CNQSD đất cấp cho vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Đặng Thị D.

* Chia di sản thừa kế là toàn bộ thửa đất số 137, tờ bản đồ 57 phường Đ với diện tích 358,9m^2.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên, Nguyên đơn còn đề nghị xem xét lại số tiền mà nguyên đơn đã nộp để thẩm định giá tại Tòa án thành phố Đ1 nhưng Bản án sơ thẩm chưa giải quyết và đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn. Bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của ông Trần Văn V vì: Tại Bản án sơ thẩm ông Trần Văn V chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là 155,55m^2 đất, phần di sản ông V được thừa kế và phần được ông Trần Văn Q nhường cho cũng không đủ để được nhận tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định của UBND tỉnh Quảng Bình về tách thửa đất.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

[1]. Xét kháng cáo của Nguyên đơn (ông Trần Văn V) yêu cầu cho ông V:

* Được nhận di sản thừa kế hiện vật là diện tích đất 155,55 m^2;

* Hủy Giấy CNQSD đất cấp cho vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Đặng Thị D;

* Chia di sản thừa kế là toàn bộ thửa đất số 137, tờ bản đồ 57 phường Đ với diện tích 358,9m^2;

* Xem xét lại số tiền mà nguyên đơn đã nộp để thẩm định giá tại Tòa án Thành phố Đ1 thì thấy:

[1.1]. Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS - ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã xác định và có những nhận định như sau:

Cụ Trần K (mất năm 1996) và cụ Hà Thị Y (mất năm 1997), cả hai Cụ trước khi mất đều không để lại di chúc.

"… thửa đất số 127, tờ bản đồ số 57, diện tích 358,9m^2 (đất ở 150m^2, đất vườn 208,9m^2) tại tổ dân phố I, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình đã được UBND thành phố Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN770261 ngày 31/12/2013 mang tên ông Trần Văn Th và vợ là bà Đặng Thị D là tài sản của cụ K và cụ Y tạo lập được khi còn sống. Hai cụ chết thì tài sản này trở thành di sản thừa kế. Theo điểm a, khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh".

" Về diện và hàng thừa kế: …Cụ K và cụ Y có 9 người con là: Bà Trần Thị Cả, ông Trần Văn C, ông Trần Văn H, ông Trần Văn Q, ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị M, ông Trần Văn V, ông Trần Văn Th, ông Trần Văn P. Bà Trần Thị Cả chết lúc còn nhỏ. Ông Trần Văn P chết năm 2014, không có vợ con; bà Trần Thị M chết năm 2017, có một người con là chị Nguyễn Ngọc A".

Những nội dung đã xác định và nhận định trên đây của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu các đương sự đã cung cấp trong hồ sơ vụ án, đúng với các quy định tại các Điều 612, 613, 650 và 651 Bộ dân sự năm 2015.

[1.2]. Xét kháng cáo của ông Trần VănV đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS - ST ngày 21/9/2017, thì thấy:

Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 57, diện tích 358,9m^2 (đất ở 150m^2, đất vườn 208,9m^2) tại tổ dân phố I, phường Đ, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình đã được UBND thành phố Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN770261 ngày 31/12/2013 mang tên ông Trần Văn Th và vợ là bà Đặng Thị D là tài sản của cụ K và cụ Y tạo lập được khi còn sống. Hai cụ chết thì tài sản này trở thành di sản thừa kế. Như vậy di sản thừa kế là diện tích đất

358,9m^2.

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông V luôn khẳng định yêu cầu được chia di sản thừa kế là toàn bộ thửa đất 358,9m^2. Khi xét xử sơ thẩm, Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông V chỉ chia thừa kế 155,55m^2 đất trong thửa đất nói trên là không giải quyết triệt để vụ án vì:

+ Sau khi chia một phần thửa đất (155,55m^2 trong số 358,9m^2) thì phần diện tích đất còn lại (203,35m^2) các bên vẫn còn tranh chấp. Ông V yêu cầu chia toàn bộ thửa đất, còn ông Th thì cho rằng phần diện tích đất còn lại các anh em của ông Th đã giao cho ông Th làm nhà thờ.

+ Bản án sơ thẩm cũng không xác định phần diện tích đất còn lại là của ai, có phải đã cho ông Th không hay là di sản còn lại chưa chia.

+ Bản án sơ thẩm không xác định phần diện tích đất còn lại (203,35m^2) là của ai, có phải đã cho ông Th không hay là di sản còn lại chưa chia nhưng lại không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V để Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN770261 ngày 31/12/2013 mang tên ông Trần Văn Th và vợ là bà Đặng Thị D là không đúng vì ông Th và bà D chưa được sử dụng phần diện tích đất còn lại.

+ Khi xem xét yêu cầu của ông V được nhận kỷ phần được chia bằng quyền sử dụng đất (ông V được chia 44,45m^2 trong đó có kỷ phần của ông Trần Văn Q nhường lại), Bản án sơ thẩm cho rằng không đủ diện tích để tách thửa đất theo quy định tại Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về diện tích tối thiểu để tách thửa đất là không chính xác vì: Diện tích tối thiểu để được tách thửa đất quy định khoản 1 tại Điều 6 (40m^2) của Quyết định số 25 chỉ áp dụng cho 3 trường hợp cụ thể được quy định tại các khoản 3, 6, 7 của Điều 6 không áp dụng đối với Bản án hoặc Quyết định của Tòa án nhân dân. Mặt khác nếu áp dụng quy định này thì phần của ông V được chia là 44, 45m^2 cũng không ảnh hưởng gì nếu giao quyền sử dụng đất cho ông V.

Tại phiên tòa, ông V cũng yêu cầu được giải quyết số tiền chi phí mà nguyên đơn đã nộp để thẩm định giá tại Tòa án Thành phố Đ1. Đây là nội dung mới, cấp sơ thẩm chưa xem xét nên cấp phúc thẩm không giải quyết được.

[3] Các nội dung trên đây tại cấp phúc thẩm không giải quyết được nên phải Hủy Bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm bị kháng cáo để xét xử sơ thẩm lại nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền án phí phúc thẩm cho ông V.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 3, Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS - ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cấp giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 05012 ngày 22/9/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc Kiểm tra II -TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến